TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 710/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1972.
Địa chỉ: 62/20 Phú Thọ Hòa, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1976.
Địa chỉ: 62/20 Phú Thọ Hòa, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Kh có mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Kh trình bày: Ông và bà Nguyễn Thúy H tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2000, quyển số 01 ngày 17/7/2000.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, đến năm 2013 thì bà H bỏ nhà đi cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng không còn cuộc sống chung nên ông yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày

27/11/1996, Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 06/7/2003. Khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc Kh, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn Thị Tuyết M đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Kh khai không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Quan hệ hôn nhân giữa ông Kh và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Bà H đã bỏ nhà đi từ năm 2013 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa ông Kh và bà H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2000, quyển số 01 ngày 17/7/2000 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Kh và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà H hiện có nơi cư trú cuối cùng tại phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thúy H: Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản triệu tập bà H đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông Kh và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình chung sống giữa ông và bà H mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Bà H đã bỏ nhà đi từ tháng 5/2013 cho đến nay, ông Kh đã làm đơn yêu cầu tuyên bố bà H mất tích theo Quyết định số 509/2017/QĐDS-ST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú nhưng cho đến nay cũng không có tin tức gì của bà H. Nay ông Kh xác nhận không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu được ly hôn. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa ông Kh và bà H đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Kh, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

- Về quan hệ con chung: Ông Kh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 06/7/2003, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Khlà có cơ sở chấp nhận do hiện nay trẻ Kh đang ở cùng ông Kh và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên chấp nhận. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 27/11/1996 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội dồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông Kh khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Kh được Tòa án chấp nhận, nên ông Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Kh.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Kh được ly hôn bà Nguyễn Thúy H.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thúy H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2000, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/7/2000) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao ông Kh trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 06/7/2003. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông Kh không yêu cầu.

+ Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Khi cần thiết, ông Kh có quyền yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

+ Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 27/11/1996 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội dồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Kh khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Nguyễn Văn Kh chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Kh đã nộp theo Biên lai thu số 0010474 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Kh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thúy H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ (N, Thúy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM - THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết Nhung